

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22/3/2018

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Nguyễn Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Truyền-Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 27/02/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Chị D có mặt, anh P vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2003, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T, chị và anh P chung sống hạnh phúc thời gian đầu rồi phát sinh mâu thuẫn, kéo dài đến năm 2010 thì mâu thuẫn trầm trọng phải sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh P có quan hệ ngoại tình nên thường xuyên cãi vã, chửi mắng chị. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn P L, sinh ngày 26/3/2002, sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P kể từ ngày Tòa án thụ lý và tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P đều vắng mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị D xin ly hôn và nuôi con chung, căn cứ vào qui định pháp luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2003, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T, chị và anh P chung sống hạnh phúc thời gian đầu rồi mâu thuẫn, kéo dài đến năm 2010 thì mâu thuẫn trầm trọng phải sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh P có quan hệ ngoại tình nên thường xuyên cãi vã. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh P đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ đề nghị Hội đồng xét xử cho chị D được ly hôn với anh P là phù hợp với qui định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Có một cháu tên Nguyễn P L, sinh ngày 26/3/2002, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay do chị D nuôi dưỡng tốt, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị D không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Anh Nguyễn Văn P kể từ ngày Tòa án thụ lý và tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh đều vắng mặt, căn cứ qui định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2003, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T, chị và anh P chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài đến năm 2010 mâu thuẫn trầm trọng phải sống ly thân cho

đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh P có quan hệ ngoại tình nên thường xuyên cãi vã. Trong khoảng thời gian dài sống ly thân anh chị cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm để vợ chồng trở về chung sống và cũng không ai quan tâm đến nhau, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh P là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn P L, sinh ngày 26/3/2002, sau khi ly hôn chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu L nên được chấp nhận.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị D và anh P được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Xét lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử:

1- Cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2- Con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn P L, sinh ngày 26/3/2002 cho chị Trần Thị Mỹ D trực tiếp nuôi, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

3- Án phí: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 14923 ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như thi hành xong phần án phí.

4- Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P tính từ tổng đạt hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sâm